

Số: 17/2026/QĐST- DS

Phú Thọ, ngày 01 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- PHÚ THỌ**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thanh Loan

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Tâm và ông Trần Quang Huân  
Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Tùng Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2-

Phú Thọ.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ tham gia phiên  
tòa:* bà Nguyễn Phương Thúy - kiểm sát viên

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày  
30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,  
thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 75/2025/TLST- DS ngày 12 tháng 11  
năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ  
án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật  
và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ2.

Địa chỉ: Số A T, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đinh Thị Mai H – chức vụ: Giám đốc  
Ngân hàng TMCP Đ2 – Chi nhánh P

Người đại diện theo uỷ quyền:

Ông Đỗ Thanh T, chức vụ: Phó trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp B  
thuộc Ngân hàng TMCP Đ2 – Chi nhánh P -

Ông Nguyễn Thanh H1, chức vụ: Phó giám đốc Phòng G thuộc Ngân hàng  
TMCP Đ2 – Chi nhánh P

(ông T, ông H1 có mặt tại phiên tòa)

*Bị đơn:* Ông Lê Thành Đ, sinh năm 1981 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ B, phường N (tổ B, phường M, thành phố V cũ), tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Lê Thành Đ và bà Phạm Thị C: Ông Lê Duy Đ1, sinh ngày 30/4/1978

Địa chỉ: Tổ B, phường N (tổ B, phường M, thành phố V cũ), tỉnh Phú Thọ

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1946

Địa chỉ: Tổ B, khu C, phường N, tỉnh Phú Thọ

(ông Đ1, bà S có mặt tại phiên tòa)

## ***2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:***

2.1. Tổng số tiền ông Lê Thành Đ và bà Phạm Thị C còn nợ Ngân hàng TMCP Đ2 – Chi nhánh P tính đến hết ngày 01/4/2026 theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/5933919/HĐTD ngày 12/3/2020 là 762.998.724đ (Bảy trăm sáu mươi hai triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi tư đồng). Trong đó: *Dư nợ gốc:* 672.983.401đ (Sáu trăm bảy mươi hai triệu chín trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm linh một đồng chẵn); *Dư nợ lãi:* 88.339.460đ (T1 mười tám triệu ba trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi đồng); *Lãi quá hạn:* 1.675.863đ (Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng).

2.2. Các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ như sau:

Ngày 30/6/2026, ông Lê Thành Đ và bà Phạm Thị C có nghĩa vụ trả nợ gốc cho ngân hàng số tiền là 672.983.401đ (Sáu trăm bảy mươi hai triệu chín trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm linh một đồng chẵn).

Ngày 30/7/2026, ông Lê Thành Đ và bà Phạm Thị C có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ lãi phát sinh tính đến ngày 01/4/2026 gồm: *Dư nợ lãi:* 88.339.460đ (T1 mười tám triệu ba trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi đồng); *Lãi quá hạn:* 1.675.863đ (Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng) và toàn bộ tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 02/4/2026 trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả nợ xong.

*Kể từ ngày 02/4/2026, Ông Lê Thành Đ và bà Phạm Thị C còn phải tiếp tục trả lãi đối với số tiền nợ gốc còn phải thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 01/2020/5933919/HĐTD ngày 12/3/2020 cho đến khi trả nợ xong toàn bộ nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp, tại hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay, thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất bên cho vay)*

2.3. Về tài sản thế chấp: Duy trì hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/5933919/HĐBĐ ký ngày 12/03/2020 giữa ông Lê Thành Đ + bà Phạm Thị C và Ngân hàng TMCP Đ2 – Chi nhánh P để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp ông Lê Thành Đ và bà Phạm Thị C không thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi, phí đúng thời hạn như đã thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ2 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp theo thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/5933919/HĐBĐ ký ngày 12/03/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đ2 và ông Lê Thành Đ, bà Phạm Thị C. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 45-3; tờ bản đồ số 14, diện tích 86m<sup>2</sup> (khu C, phường M, tỉnh Phú Thọ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 207799 do UBND thành phố V cấp cho ông Lê Thành Đ và bà Phạm Thị C; Tài sản là 01 nhà xây dựng trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 86m<sup>2</sup> (có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo). Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Lê Thành Đ và bà Phạm Thị C phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ2.

2.4. Đối với một phần tài sản là bếp được xây nối liền với phần nhà của ông Đ, bà C hiện được xây trên một phần của thửa đất số 45, tờ bản đồ số 14, diện tích 121m<sup>2</sup>, (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 207800 do UBND thành phố V cấp ngày 22/11/2023 mang tên Đỗ Thị S) các bên thống nhất xác định không phải là phần tài sản thế chấp trong hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/5933919/HĐBĐ ký ngày 12/03/2020 nên không đề nghị giải quyết.

2.5. Về chi phí tố tụng: ông Lê Thành Đ và bà Phạm Thị C có trách nhiệm chịu toàn bộ chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ) là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn). Do ngân hàng đã nộp toàn bộ chi phí tố tụng, ông Lê Thành Đ và bà Phạm Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng TMCP Đ2 Chi nhánh P số tiền chi phí tố tụng là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn). Thời hạn thanh toán khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền (chi phí tố tụng) còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Lê Thành Đ và bà Phạm Thị C (do ông Lê Duy Đ1 đại diện theo ủy quyền) tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm

số tiền là 19.074.968đ (Mười chín triệu không trăm bảy mươi tư nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.400.000đ (Mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005252 ngày 12 tháng 11 năm 2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND khu vực 2- Phú Thọ
- VKSND tỉnh Phú Thọ
- TAND tỉnh Phú Thọ
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thanh Loan**